BSC

Thứ ba, ngày 7 tháng 9 năm 2021

Vietnam Daily Review

Điều chỉnh nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 8/9/2021		•	
Tuần 6/9-10/9/2021		•	
Tháng 9/2021		•	

Tổng quan

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau phiên bứt phá hôm qua, thị trường giao dịch giằng co trong hầu hết cả ngày và điều chỉnh nhẹ vào cuối phiên. Dòng tiền đầu tư thoát khỏi thị trường khi chỉ có 3/19 nhóm ngành tăng điểm so với phiên trước. Các ngành hạn chế đà giảm của thị trường là Ngân hàng, Dịch vụ tài chính, Du lịch và giải trí. Độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực với thanh khoản giảm nhẹ so với phiên trước cho thấy tâm lý cần trọng trước ngưỡng kháng cự 1350 điểm. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng mạnh tại sàn HSX trong khi mua ròng tại sàn HNX. Phiên điều chỉnh nhẹ hôm nay có thể khiến thị trường duy trì nhịp tích lũy quanh ngưỡng 1350 điểm trong ngắn hạn.

Hợp đồng tương lai: Các hợp đồng đều giảm, trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh bán cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 7/9/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Phân tích kỹ thuật: HVN_Hồi phục (Trang 3)

Điểm nhấn

• VN-Index -4.49 điểm, đóng cửa -1341.90. HNX-Index +0.85 điểm, đóng cửa 346.48.
• Kéo chỉ số tăng: VPB (+1.60); VOS (+1.09); VHM (+1.09); CTG (+0.78); TCB (+0.67)
• Kéo chỉ số giảm: VNM (-1.13); GAS (-0.88); VGC (-0.59); VRE (-0.57); GVR (-0.49).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 25,732 tỷ đồng, -4.2% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 26,660 tỷ đồng.
• Biên độ dao động là 13.34 điểm. Thị trường có 125 mã tăng, 28 mã tham chiếu và 294 mã giảm.
• Giá trị bán ròng của khối ngoại: -825.24 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VHM (-353.9 tỷ), SSI (-247.4 tỷ) và VIC (-88.5 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 12.36 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1341.90**
Giá trị: 25732.6 tỷ -4.49 (-0.33%)
Khối ngoại (ròng): -825.24 tỷ

HNX-INDEX **346.48**
Giá trị: 3112.89 tỷ 0.85 (0.25%)
Khối ngoại (ròng): 12.36 tỷ

UPCOM-INDEX **94.70**
Giá trị: 2479.8 tỷ 0.04 (0.04%)
Khối ngoại(ròng): 10.98 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	69.1	-0.25%
Giá vàng	1,815	-0.48%
Tỷ giá USD/VND	22,762	-0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,040	0.08%
Tỷ giá JPY/VND	20,697	-0.16%
LS liên NH 1 tháng	1.2%	11.63%
LS TPCP 5 năm	0.9%	4.13%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	44.7	VHM	353.9
MBB	37.2	SSI	247.3
DCM	31.5	VIC	88.5
VCI	28.3	HPG	59.6
CTG	27.8	MSN	45.0

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

BSC

9/7/2021

Vietnam Daily Review

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 7/9

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	68.90	-0.56%	-0.40%	0.20%	67.07%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	72.27	0.07%	0.90%	2.80%	59.50%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	215.04	-0.17%	-0.20%	0.60%	84.62%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1826.07	0.15%	0.70%	3.60%	-6.09%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.77	0.36%	3.70%	1.80%	-8.38%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1290.25	-0.14%	-1.00%	-2.90%	35.39%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	728.75	0.34%	0.70%	0.50%	27.35%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.85	0.00%	1.10%	-0.20%	-0.30%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	190.76	-0.68%	1.40%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	19.62	-1.41%	-2.10%	9.40%	56.46%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	193.00	-0.69%	0.40%	8.00%	43.28%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9450.50	0.21%	0.40%	-0.20%	39.20%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	854.11	1.64%	3.50%	2.40%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	905.83	1.09%	4.10%	2.70%			
Nhôm	USD/ton	2773.00	1.69%	4.70%	8.00%	54.27%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	112.72	-3.58%	-12.20%	-18.10%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	162.40	1.25%	9.60%	22.60%	152.76%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• HĐTL dầu thô Brent giảm 39 US cent xuống 72.22 USD/thùng. HĐTL dầu thô Tây Texas WTI giảm 40 US cent xuống 68.89 USD/thùng.

• Tập đoàn dầu khí nhà nước Saudi Arabia, Aramco, hôm Chủ nhật (5/9) đã phát đi thông báo tới khách hàng rằng họ sẽ giảm giá bán chính thức cho tất cả các loại dầu thô bán cho khách hàng Châu Á trong tháng 10 với mức giảm ít nhất là 1 USD/thùng.

• Công suất sản xuất khoảng 1.5 triệu thùng dầu thô sản xuất mỗi ngày ở Vịnh Mexico vẫn bị gián đoạn sau cơn bão Ida.

Giá vàng

• Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.2% xuống 1,822.86 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 12 trên sàn New York giảm 0.5% xuống 1,825.10 USD.

Giá sắt thép

• Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2022 trên sàn Đại Liên giảm 5.6% xuống 731 CNY (113.26 USD)/tấn. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 10 trên sàn Singapore cũng giảm 5.1% xuống 135.7 USD/tấn. Quặng sắt 62% nhập khẩu giao ngay vào Trung Quốc giảm xuống 145.50 USD/tấn trong phiên 3/9. Quặng sắt nhập khẩu dự trữ tại các cảng ở Trung Quốc đã tăng lên 133.40 triệu tấn trong tuần trước, mức cao nhất kể từ cuối tháng 4

Giá cao su

• Giá cao su kỳ hạn tháng 2/2022 trên sàn Osaka giảm 1.0 yên, tương đương 0.5%, xuống 211.0 yên (1.9 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 1/2022 trên sàn Thượng Hải tăng 80 CNY lên 13,820 CNY (2,140 USD)/tấn.

• Dữ liệu việc làm của Mỹ yếu và các chỉ báo kinh tế ở Trung Quốc – nước nhập khẩu cao su hàng đầu thế giới – cũng không khả quan làm gia tăng lo ngại về khả năng nhu cầu cao su trên toàn cầu sẽ chậm lại

Giá nông sản

• Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2021 trên sàn ICE hôm thứ Sáu (3/9) giảm 0.7% xuống 1.93 USD/lb, nhưng tính chung cả tuần vẫn tăng 0.4%. Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 11/2021 trên sàn London tăng 1.4% lên 2,087 USD/tấn.

	7/9	% 7/9	6/9	% 6/9	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1341.90	-0.33%	1346.39	0.88%	2.19%	0.54%
S&P 500			4535.43	-0.03%	0.58%	3.02%
HĐTL S&P500	4537.50	0.07%	4534.40	-0.02%	0.27%	2.62%
Shang- hai	3676.59	1.51%	3621.86	1.12%	3.74%	6.31%
Euro Stoxx	4236.46	-0.23%	4246.13	1.05%	0.95%	1.48%

BSC

9/7/2021

Vietnam Daily Review

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

HVN_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:
- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD vượt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: HVN đang hình thành xu hướng hồi phục từ ngưỡng đáy 20.5. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá cổ phiếu. Đồng thời, đường giá cổ phiếu đã vượt lên đường MA20, MA50 và dải mây Ichimoku; báo hiệu xu hướng tăng giá tích cực. Chỉ báo RSI và MACD đều đang ủng hộ xu hướng tăng giá này. Nhà đầu tư có thể mở vị thế quanh ngưỡng giá 22.1, chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng 25.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 20.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

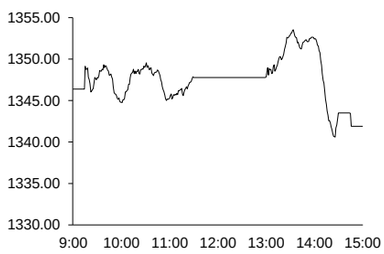
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ngân hàng	1.47%
Dịch vụ tài chính	1.28%
Du lịch và Giải trí	0.39%
Viễn thông	0.00%
Bán lẻ	-0.67%
Truyền thông	-0.70%
Bất động sản	-0.74%
Y tế	-0.91%
Thực phẩm và đồ uống	-1.00%
Tài nguyên Cơ bản	-1.18%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.37%
Hóa chất	-1.49%
Công nghệ Thông tin	-1.57%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.87%
Bảo hiểm	-1.95%
Dầu khí	-1.98%
Xây dựng và Vật liệu	-2.02%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.61%
Ô tô và phụ tùng	-3.38%

Hình 1

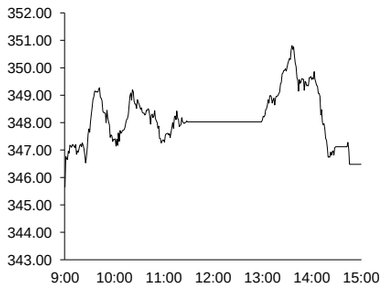
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/9/2021	HAX	23.15	27.5	21.5	22.3	1	-3.67%	Có thể tiếp tục mua
1/9/2021	PHP	33.2	40.5	27	33	6	-0.60%	Có thể tiếp tục mua
31/8/21	PVS	25.9	32	24.5	25.6	7	-1.16%	Có thể tiếp tục mua
30/8/21	APH	53.7	67	47	51.4	8	-4.28%	Có thể tiếp tục mua
27/8/21	HBC	14.5	17	13.5	15.55	11	7.24%	Cân nhắc không mua thêm (**)
25/8/21	POW	11.25	13.5	10.5	12.05	13	7.11%	Có thể tiếp tục mua
23/8/21	NRC	20.2	24	17.5	20	15	-0.99%	Có thể tiếp tục mua
19/8/21	SCI	34.4	45	30	35.8	19	4.07%	Có thể tiếp tục mua
17/8/21	POM	15.9	20	14	17	21	6.92%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/8/2021	FCN	13.35	17	12.15	14.25	26	6.74%	Có thể tiếp tục mua
5/8/2021	DRC	33.1	38	30	35.1	33	6.04%	Có thể tiếp tục mua
14/7/21	ACV	75	84	72	78.2	55	4.27%	Có thể giữ nguyên vị thế

Chú thích: **(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt** **(**) Tiệm cận giá mục tiêu**

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
26/8/21	VTO	10.15	12	9.3	TP	12	18.23%
24/8/21	BMC	17.65	20	16	TP	6	13.31%
20/8/21	NT2	19.4	22	19	SL	5	-2.06%
18/8/21	HAX	23.1	27	21	SL	6	-9.09%
16/8/21	FRT	42	54	38.5	SL	7	-8.33%
13/8/21	DBC	58	65.5	56.5	SL	12	-2.59%
11/8/2021	VGI	32.7	38	30.5	SL	9	-6.73%
10/8/2021	PVD	19.6	23.5	17.5	SL	13	-10.71%
9/8/2021	PVT	20.05	23.5	18.5	TP	7	17.21%
6/8/2021	KSB	26.1	31.5	24	TP	14	20.69%
4/8/2021	PLX	52.3	58	50	SL	16	-4.40%
3/8/2021	MBS	29.9	36	28.5	TP	14	20.40%
2/8/2021	TNG	22.1	27	20	TP	14	22.17%
30/7/21	BCC	10.8	13	10	TP	11	20.37%
29/7/21	CTG	33.9	40	32	SL	27	-5.60%

Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất **TP - Đã chốt lời** **SL - Đã cắt lỗ** **FS - Đóng vị thế sớm**

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	7	5	6.06%	-2.14%	2.64%	18
Cổ phiếu đã chốt	182	118	14.04%	-7.73%	5.47%	26

BSC

9/7/2021

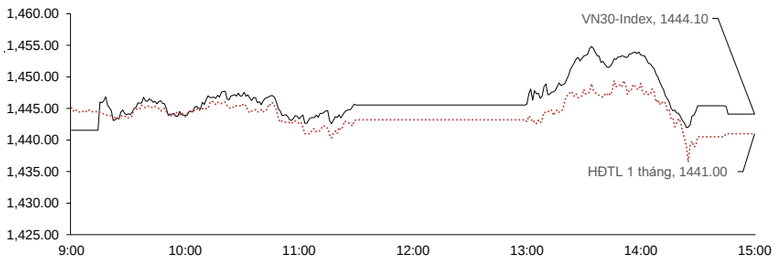
Vietnam Daily Review

Thị trường hợp đồng tương lai

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Hình 4

VN30-Index Intradday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VPB	63.50	**3.93**	4.26
TCB	49.65	**1.43**	1.77
ACB	32.50	**1.40**	1.15
TPB	36.40	**4.60**	1.14
VHM	109.60	**1.11**	0.88

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2109	1441.00	-0.25%	-3.10	13.0%	167,859	9/16/2021	11
VN30F2110	1437.00	-0.34%	-7.10	0.9%	351	10/21/2021	46
VN30F2112	1439.90	-0.15%	-4.20	-86.7%	36	12/16/2021	102
VN30F2203	1436.90	-0.03%	-7.20	-28.1%	23	3/17/2022	193

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VNM	86.3	**-2.27**	-1.86
HPG	50.7	**-0.98**	-1.37
VIC	93.9	**-1.16**	-1.31
FPT	93.5	**-1.48**	-1.20
VRE	27.2	**-3.20**	-0.73

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng +2.56 điểm lên 1444.10 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, TCB, TPB, ACB, VHM tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1445 điểm. VN30 có thể tiếp tục vận động tăng trong những phiên tiếp theo.

• Các hợp đồng đều giảm, trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2203, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2203, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh bán cho các hợp đồng dài hạn

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCB2105	5/4/2022	239	5:1	509,300	41.05%	3,600	3,510	6.36%	1,924	1.82	63,000	45,000	49,650
CVHM2107	1/6/2022	121	5:1	777,100	35.17%	3,900	3,860	4.32%	1,892	2.04	129,500	110,000	109,600
CTCB2101	10/5/2021	28	1:1	56,300	41.05%	5,000	20,200	2.54%	18,763	1.08	36,000	31,000	49,650
CMWG2104	3/22/2022	196	10:1	154,200	34.91%	2,400	5,340	1.71%	446	11.98	159,000	135,000	110,300
CHPG2111	1/6/2022	121	5:1	2,382,100	38.10%	1,700	2,380	1.28%	1,244	1.91	56,500	48,000	50,700
CHPG2110	12/6/2021	90	5:1	434,300	38.10%	2,400	2,830	1.07%	1,651	1.71	56,000	44,000	50,700
CMWG2107	1/6/2022	121	5:1	621,300	34.91%	6,600	4,420	0.68%	55	79.70	198,000	165,000	110,300
CVRE2105	5/4/2022	239	5:1	248,500	38.98%	1,200	1,310	-0.76%	533	2.46	42,000	30,000	27,200
CVNM2108	12/6/2021	90	10:1	191,200	26.06%	2,100	1,960	-1.01%	882	2.22	101,000	80,000	86,300
CFPT2103	1/7/2022	122	5:1	283,400	32.66%	3,000	2,640	-2.22%	1,004	2.63	115,000	100,000	93,500
CHPG2109	1/10/2022	125	1:1	66,100	38.10%	4,000	7,600	-3.18%	3,142	2.42	59,000	55,000	50,700
CFPT2105	1/6/2022	121	4.95:1	492,700	32.66%	3,500	3,860	-3.50%	2,547	1.52	103,500	86,000	93,500
CFPT2104	12/6/2021	90	9.89:1	218,200	32.66%	3,000	2,700	-4.26%	1,640	1.65	110,000	80,000	93,500
CNVL2102	9/27/2021	20	16:1	457,700	35.76%	1,100	1,210	-4.72%	2	724.55	107,608	94,636	104,800
CVIC2105	1/6/2022	121	4.44:1	1,273,500	33.63%	3,250	1,730	-5.98%	1,825	0.95	136,250	120,000	93,900
CKDH2103	12/2/2021	86	10:1	524,000	34.49%	1,200	750	-6.25%	58	12.88	60,779	48,779	40,600
CMSN2105	1/6/2022	121	5:1	1,079,500	38.98%	5,000	3,660	-6.63%	2,685	1.36	153,000	128,000	129,800
CVRE2106	1/6/2022	121	2:1	1,532,700	38.98%	2,300	1,760	-8.81%	1,135	1.55	39,500	28,000	27,200
CVNM2109	1/6/2022	121	5:1	363,700	26.06%	2,150	1,620	-9.50%	504	3.22	105,750	95,000	86,300
CPNJ2105	1/6/2022	121	5:1	556,200	29.32%	3,300	1,560	-11.86%	615	2.54	26,000	9,500	86,200
			Tổng	**11,712,700**	**35.07%****								

Chú thích: ***Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất*** ***CR: Tỷ lệ chuyển đổi***

Lãi suất phi rủi ro là 4.75% ***Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn***

****Trung bình độ lệch chuẩn*** ****Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes***

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 7/9/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

• CPDR2102 và CVHM2101 giảm mạnh lần lượt là -25.78% và -19.81%. Giá trị giao dịch tăng 29.09%. CHPG2111 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 15.21% thị trường.

• CVIC2105, CMSN2101, CTCB2101, CSTB2101, và CMSN2102 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CNVL2101, và CSTB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2101, CSTB2101, và CFPT2105 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	110.3	-0.6%	0.9	3,419	4.3	6,428	17.2	4.3	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	86.2	-0.3%	1.0	852	3.9	5,812	14.8	3.4	48.5%	25.3%
BVH	Bảo hiểm	55.3	-2.0%	1.4	1,785	3.5	2,522	21.9	2.0	27.1%	9.2%
PVI	Bảo hiểm	44.5	-1.8%	0.5	432	0.2	3,491	12.7	1.4	55.0%	10.8%
VIC	Bất động sản	93.9	-1.2%	0.7	15,535	9.4	1,767	53.2	3.9	14.7%	7.7%
VRE	Bất động sản	27.2	-3.2%	1.1	2,687	4.0	1,195	22.8	2.0	29.7%	9.3%
VHM	Bất động sản	109.6	1.1%	1.0	15,961	55.5	10,029	10.9	3.8	23.5%	40.2%
DXG	Bất động sản	22.0	-3.9%	1.3	496	4.1	1,586		1.3	28.5%	11.0%
SSI	Chứng khoán	60.4	0.7%	1.5	1,720	64.6	2,817	21.4	3.5	47.0%	16.5%
VCI	Chứng khoán	64.3	4.9%	1.0	931	27.4	4,384	14.7	4.0	19.6%	25.4%
HCM	Chứng khoán	56.3	1.3%	1.6	747	15.3	2,899	19.4	3.6	47.9%	19.4%
FPT	Công nghệ	93.5	-1.5%	0.9	3,689	9.4	4,234	22.1	5.1	49.0%	24.1%
FOX	Công nghệ	85.1	-0.5%	0.4	1,215	0.1	4,304	19.8	5.9	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	88.7	-1.9%	1.3	7,381	2.8	4,077	21.8	3.6	2.5%	16.2%
PLX	Dầu khí	50.4	-1.4%	1.5	2,726	2.7	3,216	15.7	2.6	17.6%	17.9%
PVS	Dầu khí	25.6	-3.8%	1.7	532	10.7	1,160	22.1	1.0	7.4%	4.5%
BSR	Dầu khí	18.1	-2.7%	0.8	2,440	5.7	(909)		1.8	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	103.6	-1.3%	0.4	589	0.4	5,761	18.0	4.0	54.5%	22.8%
DPM	Hóa chất	35.4	-3.4%	0.8	601	12.1	2,903	12.2	1.6	11.1%	13.6%
DCM	Hóa chất	24.7	-3.0%	0.7	567	6.9	1,169	21.1	1.9	2.3%	9.4%
VCB	Ngân hàng	100.0	0.0%	1.1	16,126	4.5	5,534	18.1	3.5	23.5%	21.1%
BID	Ngân hàng	39.7	1.5%	1.3	6,942	3.0	2,464	16.1	2.0	16.7%	12.6%
CTG	Ngân hàng	32.7	1.9%	1.3	6,822	15.3	3,417	9.6	1.7	24.5%	19.0%
VPB	Ngân hàng	63.5	3.9%	1.2	6,819	28.6	5,052	12.6	2.6	15.4%	23.0%
MBB	Ngân hàng	28.6	1.1%	1.2	4,698	25.4	2,764	10.3	2.0	22.5%	21.5%
ACB	Ngân hàng	32.5	1.4%	1.0	3,818	11.2	3,589	9.1	2.2	30.0%	27.2%
BMP	Nhựa	55.0	-1.3%	0.7	196	0.2	4,762	11.6	2.0	84.1%	16.4%
NTP	Nhựa	51.0	-1.2%	0.4	261	0.1	4,085	12.5	2.2	18.8%	18.3%
MSR	Tài nguyên	22.2	-3.1%	0.7	1,061	1.4	39	569.2	1.7	10.1%	0.3%
HPG	Thép	50.7	-1.0%	1.1	9,860	69.9	5,616	9.0	3.1	26.3%	39.8%
HSG	Thép	42.1	-1.8%	1.4	895	32.2	7,745	5.4	2.1	10.9%	47.9%
VNM	Tiêu dùng	86.3	-0.6%	0.6	7,842	9.9	4,572	18.9	5.7	54.8%	30.9%
SAB	Tiêu dùng	148.7	-0.3%	0.8	4,146	0.8	7,293	20.4	4.6	62.6%	24.3%
MSN	Tiêu dùng	129.8	-1.0%	0.9	6,662	8.7	1,787	72.6	7.2	33.0%	9.4%
SBT	Tiêu dùng	22.2	-6.1%	1.2	594	8.5	1,070	20.7	1.8	8.8%	8.5%
ACV	Vận tải	78.2	1.6%	0.8	7,402	0.4	577	135.5	4.5	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	124.6	-0.9%	1.1	2,934	4.5	290		4.0	17.7%	1.0%
HVN	Vận tải	22.1	2.6%	1.7	2,131	1.4	(7,644)		N/A	N/A	9.0%	-155.4%
GMD	Vận tải	50.8	-3.6%	1.0	666	15.1	1,357	37.4	2.5	40.6%	6.7%
PVT	Vận tải	23.5	-5.4%	1.4	331	11.3	2,340	10.0	1.6	14.1%	16.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	117.0	-1.1%	0.9	814	2.2	9,519	12.3	4.4	3.8%	44.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	35.7	-6.1%	0.4	696	4.6	2,098	17.0	2.5	5.0%	14.4%
HT1	Vật liệu xây dựng	21.4	-1.8%	0.9	355	3.7	1,653	12.9	1.5	3.2%	11.3%
CTD	Xây dựng	69.4	-2.3%	1.0	223	1.2	2,005	34.6	0.6	44.0%	1.8%
CII	Xây dựng	18.5	-4.9%	0.6	192	4.3	69	267.7	0.9	22.4%	0.3%
REE	Điện	64.0	-3.3%	-1.4	860	3.7	5,807	11.0	1.6	49.0%	15.8%
PC1	Điện	33.9	-4.0%	-0.4	281	5.8	3,445	9.8	1.5	8.5%	17.5%
POW	Điện	12.1	-2.8%	0.6	1,227	7.9	1,079	11.2	1.0	3.1%	8.7%
NT2	Điện	21.5	-2.3%	0.5	269	1.3	1,093	19.7	1.5	13.5%	7.3%
KBC	Khu công nghiệp	42.5	1.7%	1.1	868	27.5	1,794	23.7	1.9	18.5%	8.5%
BCM	Khu công nghiệp	48.0	-1%	1.0	2,160	0.5			3.2	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPB	63.50	3.93	1.59	10.52MLN
VHM	109.60	1.11	1.08	11.60MLN
CTG	32.65	1.87	0.78	10.82MLN
TCB	49.65	1.43	0.66	11.61MLN
BID	39.70	1.53	0.65	1.71MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	31.60	9.72	1.72	441400.00
BAB	23.20	4.50	1.02	238500.00
SHS	40.30	3.07	0.55	11.94MLN
SHB	26.60	0.38	0.25	15.85MLN
BII	20.60	9.57	0.13	7.06MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VNM	0.00	-1.13	2.62MLN	1.11MLN
VIC	0.00	-1.00	2.28MLN	607060
GAS	0.00	-0.88	720100	373600
HPG	0.00	-0.60	31.25MLN	192700
VRE	0.00	-0.56	3.36MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	41.30	-2.82	-0.43	9.24MLN
PVS	25.60	-3.76	-0.36	9.47MLN
IDJ	22.20	-8.26	-0.17	3.92MLN
TNG	30.00	-6.83	-0.16	5.58MLN
TIG	15.70	-6.55	-0.12	1.93MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIX	18.25	14.22	0.08	611600.00
HVX	5.99	6.96	0.00	115500
TGG	37.75	6.94	0.02	680500
AGM	34.20	6.88	0.01	63500
DAH	11.70	6.85	0.01	2.58MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PRC	16.50	10.0	0.00	1100
VSM	19.80	10.0	0.00	1200
TKU	34.30	9.9	0.01	27900
QHD	37.90	9.9	0.02	800
NVB	31.60	9.7	1.72	441400.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LGC	55.80	-7.00	-0.22	600
SJF	4.53	-6.98	-0.01	2.98MLN
SPM	30.00	-6.98	-0.01	219600.00
TMT	12.00	-6.98	-0.01	118200
SSC	43.45	-6.96	-0.01	1700

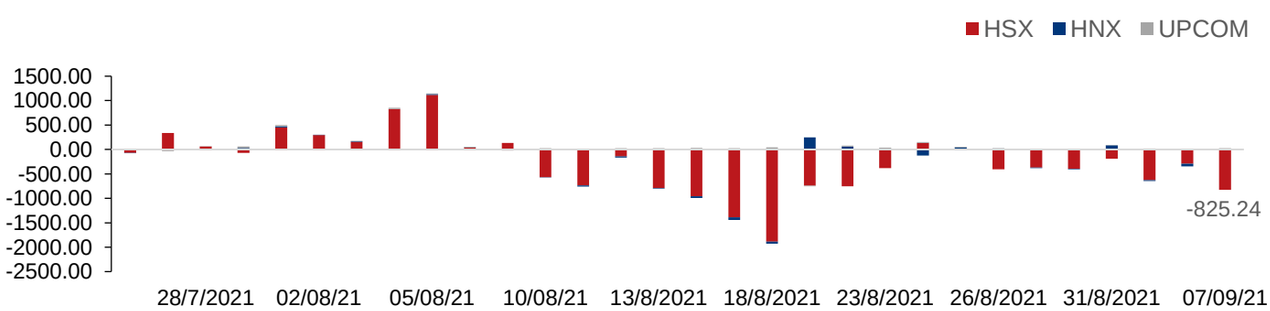
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TTH	3.60	-10.00	-0.02	2.12MLN
VNT	56.60	-9.58	-0.02	200
FID	4.00	-9.09	-0.01	450800
CTP	5.10	-8.93	-0.01	101400
CTC	5.40	-8.47	-0.01	574900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	32.5	3,589	9.1	2.2	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	78.2	577	135.5	4.5	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	ANV	Thủy sản	Mua	27/6/21	32.4	38.7	32.1	1,686	19.0	1.7	Click
5	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	11.8	600	19.7	1.1	Click
6	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	9.7	-411		0.9	Click
7	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	44.5	3,949	11.3	1.8	Click
8	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	32.7	3,417	9.6	1.7	Click
9	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	24.7	1168.9	21.1	1.9	Click
10	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	72.8	96.5	114.7	5,868	19.5	4.4	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	92.8	4,602	20.2	5.9	Click
12	DPG	Bất động sản	Theo dõi	10/6/21	39.3	N/a	40.9	4,905	8.3	2.2	Click
13	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	35.4	2,903	12.2	1.6	Click
14	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	35.1	2,868	12.2	2.4	Click
15	DXG	Bất động sản	Mua	11/5/21	23.4	30.2	22.0	1,586		1.3	Click
16	ELC	Viễn thông	Mua	27/8/20	14.5	18.8	20.4	717	28.5	1.2	Click
17	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	93.5	4,234	22.1	5.1	Click
18	GLT	CNTT	Theo dõi	18/9/20	33,0	N/a	34.0	3,617	9.4	2.7	Click
19	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	38.9	1,180	32.9	3.2	Click
20	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	50.7	5,616	9.0	3.1	Click
21	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	42.1	7,745	5.4	2.1	Click
22	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	21.4	1,653	12.9	1.5	Click
23	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	9.0	-1,169		0.8	Click
24	KDH	Bất động sản	Mua	11/5/21	36.8	42.1	40.6	1,966	20.7	2.9	Click
25	LHG	Bất động sản	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	48.1	6,776	7.1	1.7	Click
26	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	23.1			1.8	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	78.0	6,547	11.9	2.7	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	110.3	6,428	17.2	4.3	Click
29	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	44.4	3,926	11.3	2.0	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	33.9	3,445	9.8	1.5	Click
31	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	39.3	2,380	16.5	2.4	Click
32	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	86.2	5,812	14.8	3.4	Click
33	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.1	1,079	11.2	1.0	Click
34	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
35	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	18.5	0	840.5	0.6	Click
36	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	25.6	1,160	22.1	1.0	Click
37	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	22.2	1,070	20.7	1.8	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	37.9	1,064	35.6	3.9	Click
39	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	51.9	15635.6	3.3	1.4	Click
40	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	49.7	4,613	10.8	2.1	Click
41	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	100.0	5,534	18.1	3.5	Click
42	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	20.5	570	36.0	1.7	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	49.0	4,035	12.1	1.6	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	109.6	10,029	10.9	3.8	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	63.5	5,052	12.6	2.6	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	27.2	1,195	22.8	2.0	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	85.2	3,256	26.2	7.3	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
2	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
3	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
5	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
8	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
9	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
10	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
12	Banking Sector Outlook		x	Click
13	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
15	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
16	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
17	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
18	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
19	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
20	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
22	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
23	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
25	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
26	Fishery Outlook 2021		x	Click
27	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
28	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
29	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
30	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
31	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
32	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
33	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
34	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
36	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
37	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
38	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
40	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.



BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639